



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là Ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0042/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 với tên là Ngân hàng Thương mại Cổ phần các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 12 tháng 8 năm 1993. Ngày 27 tháng 7 năm 2010, Ngân hàng đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng theo Giấy phép số 1815/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ Ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng do cổ đông góp là 20.000 triệu đồng và được bổ sung theo từng thời kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.117.474 triệu đồng).

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, hai (2) công ty con, ba mươi bảy (37) chi nhánh và một trăm hai mươi sáu (126) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả kinh doanh hợp nhất và chi trả cổ tức của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	Năm 2010 triệu đồng	Năm 2009 triệu đồng
Lợi nhuận thuần trong năm	503.325	293.565
Cổ tức đợt cuối của năm trước trả trong năm hiện hành	-	84.699
Lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm	499.271	129.465



Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Phạm Hà Trung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2006, miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2008, tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2010 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Bà Nguyễn Thị Nguyệt Hường	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010, đương nhiên mất tư cách ngày 21 tháng 10 năm 2010
Ông Trần Trọng Kiên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Soon Tit Koon	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 8 năm 2009, tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010, đương nhiên mất tư cách ngày 7 tháng 1 năm 2011
Ông Nguyễn Quang A	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2006, miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Ngô Hà Bắc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2008, miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Vũ Hải Bằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010, bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2006, miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010
Ông Trần Đức Hạ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2006, miễn nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2010

Ban Điều hành và Kế toán Trưởng

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2009
Ông Vũ Minh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 5 năm 2007
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 2 năm 2002
Bà Dương Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2008
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2010
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2010
Ông Low Boon Keng Howard	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 3 năm 2009
Ông Marek Hovorka	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2010
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2009





BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được làm công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011



Số tham chiếu: 60755038/14469373

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
(trước đây có tên là Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam)**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) như được trình bày từ trang 30 đến trang 36. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

Nguyễn Chí Cường
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 1103/KTV





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

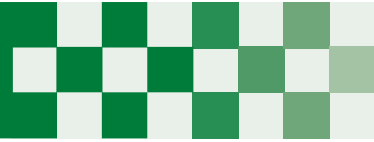
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
TÀI SẢN		
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	329.920	355.430
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	560.224	758.497
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	11.625.637	7.383.093
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	11.625.637	7.383.093
Cho vay các TCTD khác	-	-
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	2.127.700	57.125
Chứng khoán kinh doanh	2.153.749	73.406
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(26.049)	(16.281)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	156	-
Cho vay khách hàng	25.094.534	15.682.819
Cho vay khách hàng	25.323.735	15.813.269
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(229.201)	(130.450)
Chứng khoán đầu tư	11.421.870	2.291.943
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.428.766	2.308.844
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(6.896)	(16.901)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	147.738	45.778
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	148.580	45.778
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(842)	-
Tài sản cố định	349.889	326.237
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>199.061</i>	<i>223.528</i>
Nguyên giá tài sản cố định	373.629	348.063
Hao mòn tài sản cố định	(174.568)	(124.535)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Nguyên giá tài sản cố định	-	-
Hao mòn tài sản cố định	-	-
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>150.828</i>	<i>102.709</i>
Nguyên giá tài sản cố định	186.087	126.585
Hao mòn tài sản cố định	(35.259)	(23.876)
Bất động sản đầu tư	-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	-
Tài sản Có khác	8.149.355	642.084
Các khoản phải thu	7.080.428	157.110
Các khoản lãi, phí phải thu	781.446	296.826
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản Có khác	299.073	198.072
<i>Trong đó: Lợi thế thương mại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(11.592)	(9.924)
TỔNG TÀI SẢN	59.807.023	27.543.006



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



	31/12/2010	31/12/2009
	triệu đồng	triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.216.381	315.848
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.781.961	7.476.782
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	4.102.461	19.114
Tiền gửi có kỳ hạn và vay các TCTD khác	9.679.500	7.457.668
Tiền gửi của khách hàng	23.969.645	16.489.544
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	8.068
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	119.794	161.799
Phát hành giấy tờ có giá	9.631.647	-
Các khoản nợ khác	5.882.864	542.980
Các khoản lãi, phí phải trả	636.014	260.033
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	5.240.616	279.291
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	6.234	3.656
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	54.602.292	24.995.021
VỐN CHỦ SỞ HỮU		
Vốn và các quỹ		
Vốn của TCTD	4.617.389	2.290.546
Vốn điều lệ	4.000.000	2.117.474
Vốn đầu tư XD CB	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	617.389	173.072
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Vốn khác	-	-
Quỹ của TCTD	88.071	127.974
Lợi nhuận chưa phân phối	499.271	129.465
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.204.731	2.547.985
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	59.807.023	27.543.006





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	793.514	927.693
Bảo lãnh vay vốn	1.158	1.244
Cam kết trong nghiệp vụ LC	292.452	158.483
Bảo lãnh khác	499.904	767.966
Các cam kết đưa ra	2.874.031	935.933
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
Cam kết cho vay chưa giải ngân có điều kiện	2.874.031	935.933
	3.667.545	1.863.626

Ông Nguyễn Toàn Thắng
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	3.814.024	2.163.995
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(2.736.987)	(1.390.784)
Thu nhập lãi thuần	1.077.037	773.211
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	334.111	200.772
Chi phí hoạt động dịch vụ	(122.701)	(63.852)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	211.410	136.920
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(9.364)	19.211
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(59.303)	(9.251)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.112	(27.131)
Thu nhập từ hoạt động khác	103.148	22.120
Chi phí hoạt động khác	(32.090)	(2.310)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	71.058	19.810
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	12.696	7.966
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.308.646	920.736
Chi phí cho nhân viên	(239.505)	(207.993)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(63.157)	(63.314)
Chi phí hoạt động khác	(241.641)	(206.550)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(544.303)	(477.857)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	764.343	442.879
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(119.303)	(75.180)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng	20.682	18.589
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	(2.578)	(3.656)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	663.144	382.632
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(159.819)	(89.067)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(159.819)	(89.067)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	503.325	293.565
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.045	1.195

Ông Nguyễn Toàn Thắng
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011





BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI/(LỖ LŨY KẾ) ĐẦU NĂM	129.465	(29.619)
Lợi nhuận thuần trong năm	503.325	293.565
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	632.790	263.946
Trừ:		
- Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	(3.744)	(11.876)
- Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho năm hiện hành	(2.728)	(37.890)
- Trả cổ tức của năm trước	-	(84.699)
- Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	(127.048)	-
- Các khoản khác	1	(16)
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM	499.271	129.465

Ông Nguyễn Toàn Thắng
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.329.404	2.071.598
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(2.361.006)	(1.479.159)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	211.410	136.920
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(9.364)	19.211
Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	(54.191)	(36.382)
Thu nhập khác	70.281	19.343
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(257.661)	(198.018)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(112.601)	(100.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	816.272	432.708
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(2.895.279)	(1.814.017)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	(11.200.502)	(498.183)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(156)	2.129
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(9.510.466)	(2.827.341)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)	(2.448)	(11.582)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(7.020.879)	31.581
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	900.533	315.848
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	6.305.179	6.198.717
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	7.480.101	2.259.442
Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	9.631.647	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(42.005)	61.040
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(8.068)	8.068
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	4.558.713	(259.541)
Chi từ các quỹ của TCTD	(38.935)	(13.475)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.026.293)	3.885.394
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(88.035)	(20.159)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	310	2.309
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(79)	(32)
Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(101.960)	107.699
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	12.696	7.966
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(177.068)	97.783





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn của TCTD	2.326.843	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	(84.699)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	2.326.843	(84.699)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.123.482	3.898.478
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	6.567.800	2.669.322
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	7.691.282	6.567.800

Ông Nguyễn Toàn Thắng
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2011



Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc